CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY
73/17 Phan Chu Trinh – Phường 9 – Đà Lạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC

Số TCB: 09/NGOCDUY/2025

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY**

Địa chỉ: Số 73/17 Phan Chu Trinh - Phường 9 - Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam

Điện thoại: 02633 549 284 – 0785 899 091

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D:5800466303-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY
TP.ĐÀ LẠT-T.LÂM ĐỒNG

PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY

CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY
73/17 Phan Chu Trinh – Phường 9 – Đà Lạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC
Số TCB: 09/NGOCDUY/2025

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY**

Địa chỉ: Số 73/17 Phan Chu Trinh - Phường 9 - Tp. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng – Việt Nam

Điện thoại: 02633 549 284 – 0785 899 091

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 5800466303 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY - TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số TCB: 09/NGOCDUY/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02633 549 284 – 0785 899 091

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

Mã số doanh nghiệp: 5800466303

Chứng nhận tiêu chuẩn Quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018, số AQV-40095, ngày cấp 30/10/2024, nơi cấp Quality Registrar Systems.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC

2. Thành phần: 100% Hà thủ ô.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng tính từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên vỏ bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong các túi lọc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Túi lọc được đựng trong túi PE, chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Bên ngoài đóng hộp cát tông/gói PE.

- Khối lượng tịnh của mỗi túi lọc 2 g.

- Quy cách đóng gói: 40 g (20 túi x 2 g); 50 g (25 túi x 2 g); 100 g (50 túi x 2 g); 120 g (60 túi x 2 g); 200 g (100 túi x 2 g); 400 g (200 túi x 2 g) và các quy cách đóng gói khác tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- Đóng thùng: 48 – 72 – 96 – 200 hộp/gói tùy theo yêu cầu của khách hàng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu an toàn thực phẩm

CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 09:2025/NGOCDUY đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đà Lạt, ngày 03 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY

CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY	TÊN SẢN PHẨM	Số: 09 : 2025/NGOCDUY
	TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC	Có hiệu lực từ ngày 03 tháng 03 năm 2025

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột hạt vừa phải, không lẫn tạp chất và vật lạ
2	Màu sắc của nước pha	Màu vàng tươi
3	Mùi	Hương thơm đặc trưng của hà thủ ô
4	Vị	Ngọt dịu

2. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Aflatoxin	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019

3. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Tên kim loại nặng	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Chì (Pb)	mg/kg	2,0	TS-KT-QP-27:2021
2	Thuỷ ngân (Hg)	mg/kg	0,05	TS-KT-QP-27:2021
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0	TS-KT-QP-27:2021
4	Asen	mg/kg	1,0	TS-KT-QP-27:2021

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Phương pháp thử
1	Độ ẩm, không lớn hơn	%	10,0	TS-KT-HCB-005:2018
2	Tro tổng số, không lớn hơn	%	8,0	TS-KT-HCB-006:2018
3	Tro không tan trong axit, không lớn hơn	%	1,0	TS-KT-HCB-007:2018

5. Giới hạn về vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^6	ISO 4833-1:2023/Amd1:2022

2	Coliforms	CFU/g	10^3	TCVN 6848:2007
3	Nấm men	CFU/g	10^4	TCVN 8275-2:2010
4	Nấm mốc	CFU/g	10^4	TCVN 8275-2:2010
5	Salmonella	MPN/25g	Không được có	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020

6. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	Tên thuốc bảo vệ thực vật	Đơn vị tính	Mức tối đa	Phương pháp thử
1	Chlorpynfos – methyl	mg/kg	0,1	TS-KT-SK-14:2020
2	Cypermethrin	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
3	Fenitrothion	mg/kg	0,5	TS-KT-SK-14:2020
4	Fluccythrinate	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
5	Methidathion	mg/kg	0,5	TS-KT-SK-109:2020
6	Permethrin	mg/kg	20	TS-KT-SK-14:2020
7	Propargite	mg/kg	5	TS-KT-SK-09:2020

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Hướng dẫn sử dụng: Cho túi trà vào tách nước sôi, chờ 3-5 phút rồi thưởng thức. Ngon hơn khi uống nóng.

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

III. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA

Sản xuất và chịu trách nhiệm bởi Công ty TNHH Trà Ngọc Duy 73/17 Phan Chu Trinh, Phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Đà Lạt, ngày 03 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

S.Đ.K.K.D:5800466303-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY

NỘI DUNG NHÃN TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC

1. **Tên sản phẩm: TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC**
2. **Thành phần cấu tạo:** 100% Hà thủ ô.
3. **Hướng dẫn sử dụng:** Cho túi trà vào tách nước sôi, chờ 3-5 phút rồi thưởng thức. Ngon hơn khi uống nóng.
4. **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.
5. **Thông tin cảnh báo an toàn, vệ sinh:** Không sử dụng khi sản phẩm có hiện tượng nấm mốc, có mùi lạ.
6. **Khối lượng tịnh:** 40 g (20 túi x 2 g); 100 g (50 túi x 2 g); 200 g (100 túi x 2 g); …
7. **Hạn sử dụng:** 24 tháng tính từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên vỏ bao bì.
8. **Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm:** Công ty TNHH Trà Ngọc Duy

Địa chỉ: 73/17 Phan Chu Trinh, P9, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

ĐT: 02633 549 284 – 0785 899 091

Website: www.ngocduyatiso.com

Email: ngocduy.tea@ngocduygroup.com

Xuất xứ: Việt Nam

ĐKKD: 5800466303

ĐK NH ĐỘC QUYỀN HÀNG HOÁ SỐ: 207083

BKHCN – CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TC ISO 22000:2018

Số TCB: 09/NGOCDUY/2025

TC NSX số: 09:2025/NGOCDUY

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 5800466303 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM NGUYỄN NGỌC DUY

NGỌC DUY

Trà túi lọc

Hà Thủ Ô

Fallopia Multiflora tea baps



Muốn cho xanh tóc trắng da
Rủ nhau lên túi tìm Hà Thủ Ô
Là dược liệu quý ngàn đời theo y học cổ truyền, Hà Thủ Ô được người Việt thường thức như một món trà chăm sóc sức khoẻ và thanh nhiệt, đẹp da, trường xuân. Uống một tách trà, để mỗi ngày thêm tươi trẻ và thư thái.
Trích DĐVN V-T.1183

A precious ancient medicinal herb in traditional Eastern medicine, Hà Thủ Ô is savored by the Vietnamese as a healthful and refreshing tea, promoting radiant skin and longevity. Sip a cup of this tea and embrace each day with renewed youthfulness and serenity.

Thành phần: 100% Hà thủ ô
Hạn sử dụng: 24 tháng tính từ ngày sản xuất
Ingredients: 100% Polygonum Multiflorum
EXP: 24 months from the date of the manufacture

ĐKKD: 5800466303
ĐK NH Độc quyền hàng hoá số: 287083
IBKHCN - Cục sở hữu trí tuệ
TC ISO 22000:2018
Số TCB: 09/NGOCDUY/2025
TC NSX số: 09:2025/NGOCDUY

20 bags/ 40 g

Product of Vietnam

S.Đ.K.K.D:5800466303-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÀ NGỌC DUY
TP.ĐÀ LẠT - T.LÂM ĐỒNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Z290C1151
Mã KQ/ *RP. No*: 007015881.00

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* (c) : **CÔNG TY TNHH TRÀ NGỌC DUY**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* (c) : 73/ 17 Phan Chu Trinh, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date of receiving* : 07/03/2025
4. **Thời gian phân tích**/ *Date of Testing* : 07/03/2025 - 12/03/2025
5. **Thông tin mẫu**/ *Information of Sample* (c) : **TRÀ HÀ THỦ Ô TÚI LỌC**
6. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip kín
7. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	1.07	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
2	Thuỷ ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	0.052	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
4	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.319	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
5	Aflatoxin (tổng B_1, B_2, G_1, G_2) (*)/ Aflatoxin (sum of B_1, B_2, G_1, G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
6	Độ ẩm (*)/ Moisture (*)	6.43	%	-	TS-KT-HCB-005:2018
7	Tro tổng (*)/ Total ash (*)	4.00	%	-	TS-KT-HCB-006:2018
8	Tro không tan trong HCl (*)/ Ash insolube in HCl (*)	0.227	%	-	TS-KT-HCB-007:2018 (Ref. AOAC 920.46)
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	$2.1x10^3$	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
10	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
11	Tổng số nấm men (*)/ Yeasts (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
12	Tổng số nấm mốc (*)/ Moulds (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
13	*Salmonella* spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
14	Chlorpyrifos-methyl (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
15	Cypermethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
16	Endosulfan (Endosulfan alpha, Endosulfan beta) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: 1Z290C1151
Mã KQ/ *RP No*: 007015881.00

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result(s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
17	Profenofos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
18	Methidathion (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-109:2022
19	Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-14:2020
20	Propargite	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022

Chú thích/ *Remarks*:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỲNH TẤN CƯỜNG

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 4347
Quyển số: 03 -SCT/BS
Ngày 15-03-2025
CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 02/TP - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ LỆ MY
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thị Lệ My

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ *Information is provided by the customer.*
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ *Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.*
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*